

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần năm 2017 (01/01/2017 - 31/12/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ~~50~~ ⁵⁰⁶ /QĐ-UBND ngày 50.../01.../2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017

| Sst | Tên loại | Số, ký hiệu | Ngày, tháng, năm ban hành | Tên gọi của văn bản | Phần nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------|-----------------|---------------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 22 văn bản (07 nghị quyết, 15 quyết định) | | | | | | | |
| Lĩnh vực Công thương | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2013/QĐ-UBND | 15/08/2013 | Về việc ban hành Quy định về quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn tỉnh | Điều 4 bản Quy định | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh | 27/07/2017 |
| 02 | Quyết định | 07/2015/QĐ-UBND | 12/02/2015 | Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khoản 2 Điều 4; Điểm m Khoản 2 Điều 7; Khoản 1 Điều 12; Điểm a Khoản 1 Điều 15 bản Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh | 01/03/2017 |

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------------|---|---|--|---------------------------------|
| 01 | Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016 – 2017 và mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các trường công lập trực thuộc tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến hết năm học 2020 - 2021 | Phần quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016-2017 (một phần của Khoản 1) | Năm học 2016-2017 đã kết thúc, hiện là năm học 2017-2018 | Ngày kết thúc năm học 2016-2017 |
|----|-------------------------------|------------|---|---|--|---------------------------------|

Lĩnh vực Nội vụ

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------------|---|------------------------------|--|------------|
| 01 | Quyết định 11/2015/QĐ-UBND | 03/03/2015 | Về việc ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh | Điều 23, 24, 25 ban Quy định | Được bãi bỏ tại Quyết định 17/2017/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 | 07/07/2017 |
|----|-------------------------------|------------|---|------------------------------|--|------------|

Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------------|--|---|--|------------|
| 01 | Quyết định 13/2014/QĐ-UBND | 28/05/2014 | Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn Voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khoản 3 Điều 2; Điểm c Khoản 2 Điều 3; Điều 5; Điều 7; Điều 8; Khoản 10 Điều 9 ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 43/2016/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh | 06/01/2017 |
|----|-------------------------------|------------|--|---|--|------------|

Lĩnh vực Tài chính

| | | | | | | |
|----|-----------------------------------|------------|--|---|---|------------------------|
| 01 | Nghị quyết 03/2009/NQ- HDND | 10/07/2009 | Về mức thu lệ phí bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Phần nội dung còn lại <i>(mỗi phần đã bãi bỏ tại Nghị quyết 192/NQ-HDND ngày 07/01/2016)</i> | Được bãi bỏ tại Nghị quyết 19/2017/NQ-HDND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh (sau bãi bỏ này, vẫn ban hết hiệu lực toàn bộ) | 01/08/2017 |
| 02 | Nghị quyết 27/2010/NQ- HDND | 10/12/2010 | Về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | Điều 1, 2 | Nghị quyết 30/2017/NQ-HDND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định hết hiệu lực | 25/10/2017 |
| 03 | Quyết định 11/2012/QĐ- UBND | 24/04/2012 | Về việc ban hành Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(mỗi phần đã bãi bỏ tại các Quyết định 36/2013/QĐ-UBND, Quyết định 45/2014/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, vẫn ban hết hiệu lực toàn bộ) | Hết ngày 31/12/2017 |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|--|------------|
| 04 | Nghị quyết | 56/2012/NQ-HĐND | 06/07/2012 | Về việc quy định mức thu phí đầu giá tài sản, phí tham gia đầu giá tài sản, phí tham gia đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã bãi bỏ tại Nghị quyết 19/22NQ-HĐND ngày 07/01/2016)</i> | Được bãi bỏ tại Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh (sau bãi bỏ này, vẫn ban hết hiệu lực toàn bộ) | 01/08/2017 |
| 05 | Quyết định | 15/2013/QĐ-UBND | 10/05/2013 | Quy định bổ sung Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy và tài sản khác tại Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 của UBND tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã bãi bỏ tại Quyết định 36/2013/QĐ-UBND, sửa đổi tại Quyết định 25/2015/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, vẫn ban hết hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |
| 06 | Quyết định | 33/2013/QĐ-UBND | 20/11/2013 | Về việc ban hành Quy định mức thu, miễn thu, lợi phí, tiền nước và đối tượng, phạm vi thu, miễn thu, lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Điều 5 bản Quy định | Được bãi bỏ tại Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thu, lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 03/09/2017 |
| 07 | Quyết định | 36/2013/QĐ-UBND | 12/12/2013 | Quy định sửa đổi, bổ sung giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy tại các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 và Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã bãi bỏ tại Quyết định 28/2014/QĐ-UBND, Quyết định 45/2014/QĐ-UBND, sửa đổi tại Quyết định 25/2015/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, vẫn ban hết hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------------|--|---|--|------------|
| 08 | Quyết định 28/2014/QĐ-UBND | 18/08/2014 | Quy định sửa đổi, bổ sung giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy tại các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 và Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã bãi bỏ tại Quyết định 45/2014/QĐ-UBND; sửa đổi tại Quyết định 12/2015/QĐ-UBND; Quyết định 25/2015/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chưa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, văn bản hết hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |
| 09 | Quyết định 45/2014/QĐ-UBND | 23/12/2014 | Quy định sửa đổi, bổ sung giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy tại các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012, Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013, Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã sửa đổi tại Quyết định 12/2015/QĐ-UBND, Quyết định 25/2015/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chưa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, văn bản hết hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------------|--|--|---|------------------------|
| 10 | Quyết định 25/2015/QĐ-UBND | 10/09/2015 | Ban hành Quy định về việc sửa đổi, bổ sung giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe máy tại các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012, Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 10/5/2013, Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013, Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014, Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(mời phân đã sửa đổi tại Quyết định 04/2016/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, văn bản hết hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |
| 11 | Nghị quyết 08/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk từ năm 2017 | Điểm 4, 9 Khoản 4 Điều 1 | Được sửa đổi tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh về sửa đổi Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk từ năm 2017 | Hết ngày 31/12/2017 |

Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

| | | | | | | |
|----|----------------------------|------------|--|--|--|------------|
| 01 | Quyết định 26/2006/QĐ-UBND | 25/04/2006 | Về việc quy định quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh | Phần nội dung còn lại <i>(một phần đã sửa đổi tại Quyết định 34/2012/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (<i>sau bãi bỏ này, văn bản hết hiệu lực toàn bộ</i>) | 27/07/2017 |
| 02 | Nghị quyết 54/2012/NQ-HĐND | 06/07/2012 | Về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Đắk Lắk | Một phần Quy hoạch sử dụng đất | Được điều chỉnh tại Nghị quyết 25/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đắk Lắk | 01/08/2017 |
| 03 | Quyết định 25/2016/QĐ-UBND | 31/05/2016 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Điều a Khoản 2 Điều 4; Điều a, c Khoản 2 Điều 7 ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh | 05/02/2017 |

Lĩnh vực Xây dựng

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|---|--|------------|
| 01 | Quyết định | 32/2006/QĐ-UBND | 02/08/2006 | Về việc ban hành Quy định về phân cấp, ủy quyền trong việc lập thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Phần nội dung còn lại <i>(mời phân đả thay thế tại Quyết định 13/2011/QĐ-UBND)</i> | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh (sau bãi bỏ này, văn bản hải hiệu lực toàn bộ) | 27/07/2017 |
| 02 | Quyết định | 44/2012/QĐ-UBND | 21/11/2012 | Ban hành Quy định về cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khoản 2 Điều 9 bản Quy định | Được bãi bỏ tại Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản QPPL, văn bản chứa QPPL của UBND tỉnh | 27/07/2017 |

Lĩnh vực khác

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|---|------------|
| 01 | Nghị quyết | 34/2008/NQ-HĐND | 19/12/2008 | Về sắp xếp, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | Phần nội dung còn lại <i>(mời phân đả hải thời hạn thi hành)</i> | Được bãi bỏ tại Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh (sau bãi bỏ này, văn bản hải hiệu lực toàn bộ) | 01/08/2017 |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|---|------------|

II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN:

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2017, CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ: 0